

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Xanh

Ông Nguyễn Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75a/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986;

Địa chỉ cư trú: 47/41A T, khu dân phố B, phường Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Phi Y, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú trước xuất cảnh: Xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ cư trú hiện tại: Okinawa-ken, Naha-shi, Tsuji, 1 Chome, số 13-28 Kuninaka Apatto 202 (Nhật Bản); vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Anh và chị Nguyễn Phi Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/02/2012. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm tại Bình Dương. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đỉnh điểm nhất là khi chị Y sinh con xong thì tình cảm vợ chồng căng thẳng hơn do quan điểm sống không hợp nhau. Khi con được 02 tháng tuổi thì chị Y đưa con về xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An sống cùng bố mẹ chị Y. Đến giữa năm 2015, chị Y làm thủ tục đi du học sang nước Nhật Bản, đồng thời đưa con vào cho anh nuôi dưỡng. Từ đó trở đi vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Hiện tại, anh Nguyễn Văn Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung. Vì vậy, anh Th làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Phi Y.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Phi Y có 01 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 24/01/2013. Hiện con chung đang ở với anh và được anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Y thỏa thuận: Mỗi tháng chị Y gửi về cho anh 2.000.000 đồng để nuôi con, tính từ tháng 8 năm 2019 trở đi đến lúc con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Nguyễn Phi Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Phi Y đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Chị được anh Nguyễn Văn Th thông báo về việc anh Th nộp đơn xin ly hôn chị tại Tòa án. Do đó, chị đã gửi các tài liệu và bản tự khai, giấy ủy quyền (được hợp pháp hóa lãnh sự có chứng nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 12/7/2019) đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày: Chị thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như anh Th trình bày. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 01 năm tại Bình Dương. Sau khi sinh con thì vợ chồng mâu thuẫn nên lúc con được 02 tháng tuổi thì chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An sinh sống. Đến tháng 7 năm 2015 chị đi sang Nhật du học và đưa con vào cho anh Th nuôi dưỡng. Từ đó trở đi tình cảm vợ chồng không còn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt dần. Nay, anh Th làm đơn xin ly hôn thì chị cũng hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn Th có 01 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 24/01/2013. Nếu ly hôn, chị Y đồng ý để cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, đi lại khó khăn nên không thể về Việt Nam và có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Do đó, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vụ án vắng mặt chị. Các văn bản của Tòa án gửi cho chị, chị ủy quyền cho Luật sư Lê Thị Kim S – Công tác tại Văn phòng Luật sư L, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An nhận và sẽ thông báo, gửi cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án Ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn Th có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Phi Y hiện cư trú tại nước Nhật Bản; trước xuất cảnh, chị Y có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Vụ án không tiến hành hòa giải được vì chị Nguyễn Phi Y không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài và yêu cầu không hòa giải là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Phi Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi các tài liệu và bản tự khai (được hợp pháp hóa lãnh sự có chứng nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 12/7/2019) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với anh Nguyễn Văn Th cư trú tại Việt Nam nhưng ở cách xa Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đi lại khó khăn và công việc bận rộn nên anh có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi đầy đủ bản tự khai cùng các giấy tờ, tài liệu cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th và chị Y.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Phi Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/02/2012, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; vợ chồng sống xa nhau, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt. Hiện tại, anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Phi Y thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Phi Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Văn Th yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Phi Y có 01 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 24/01/2013, (hiện đang do anh Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Phi Y thỏa thuận: Giao cho anh Nguyễn Văn Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 24/01/2013. Chị Nguyễn Phi Y thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng tính từ tháng 8 năm 2019 trở đi đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành..

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Phi Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Phi Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Phi Y được ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên như sau:

Giao cho anh Nguyễn Văn Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Hữu L sinh ngày 24/01/2013, (hiện đang do anh Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị Nguyễn Phi Y thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng tính từ tháng 8 năm 2019 trở đi đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Phi Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003961 ngày 28/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Văn Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Chị Nguyễn Phi Y phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con (chị Y chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Phi Y có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Văn Quỳnh